



Chia Sẻ Để Phát Triển

CÔNG TY CỔ PHẦN SX - KD - XNK BÌNH THẠNH (GILIMEX)

Designed by ANUANG - www.anuong.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN SX - KD - XNK BÌNH THẠNH (GILIMEX)
Địa chỉ : Tầng 1, Tòa nhà GILIMEX, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại : 08. 35108508 Fax: 08. 35510585
Email: gilimex@gilimex.com Website: www.gilimex.com



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

Annual Report 2012

Doanh thu xuất khẩu
trực tiếp những
năm đầu thành lập

2,00 triệu USD

Doanh thu xuất khẩu
trực tiếp năm 2011

33,12 triệu USD



Khẳng Định Một Vị Thế

Sau 30 năm thành lập và trưởng thành, hoạt động sản xuất kinh doanh của GILIMEX liên tục phát triển, mở rộng quy mô đầu tư, xây dựng các nhà máy với hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng những quy chuẩn của khách hàng và liên tục cải tiến, nâng cao hiệu quả, tăng doanh thu xuất khẩu trực tiếp từ 2 triệu USD trong những năm đầu thành lập lên 33 triệu USD trong năm 2011. GILIMEX đã khẳng định được vị trí, vị thế của mình trước công chúng và nhà đầu tư, là một trong những công ty niêm yết hoạt động có hiệu quả tại Việt Nam.

Mục lục

4

Thông điệp của
Chủ Tịch Hội Đồng
Quản Trị

6

Lịch sử
hoạt động của Công ty

34

Thông tin cổ đông
và quản trị công ty

10

Báo cáo của
Hội đồng Quản trị

38

Báo cáo phụ cấp
của HĐQT, BKS và
Tổng Giám đốc

48

Báo cáo tài chính

16

Báo cáo của
Ban Tổng Giám đốc

42

Báo cáo của
Ban kiểm soát

62

Thuyết minh Báo cáo
tài chính hợp nhất

22

Tổ chức
và nhân sự

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa toàn thể cổ đông GILIMEX,

Chúng ta vừa trải qua một năm đầy khó khăn của nền kinh tế nước nhà với tỉ lệ lạm phát hơn 18%, tín dụng bị thắt chặt và phải tiếp tục đương đầu với những thách thức mới, đó là nền kinh tế nước nhà đang ở giai đoạn phải tái cơ cấu trong bối cảnh kinh tế toàn cầu chưa phục hồi hoàn toàn. Các thành viên HĐQT của Gilimex luôn nhận thức được trách nhiệm cao cả nhưng cũng rất nặng nề mà các cổ đông đã tin tưởng giao phó. Chúng tôi luôn giám sát và chỉ đạo chặt chẽ Ban Tổng Giám đốc trong việc thực thi chiến lược công ty và các kế hoạch sản xuất kinh doanh, đồng thời cũng luôn chia sẻ, động viên tập thể lãnh đạo, người lao động của Công ty trong những lúc khó khăn. Và chúng ta đã xây dựng được một hệ thống quản trị nội bộ mạnh, một đội ngũ cán bộ nhân viên rất đoàn kết, nhiệt tình và làm việc hiệu quả.

Năm 2011 là năm khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng nhưng cũng là lúc mở ra cơ hội rất lớn, Gilimex đã tận dụng triệt để cơ hội này và thật may mắn là chúng ta đã đạt được kết quả kinh doanh ngoài mong đợi. Doanh thu toàn công ty vượt 74.57% với lợi nhuận sau thuế của toàn Công ty đạt 67.1 tỷ đồng vượt 49.18% so với kế hoạch năm 2011. Bằng việc tập trung vào nhiệm vụ xây dựng công ty, Gilimex đang và sẽ tạo ra những giá trị lớn nhất cho cổ đông và đối tác. Điều này cho phép Gilimex tiếp tục thu hút thêm người tài và xây dựng công ty tốt hơn nữa. Dựa trên nền tảng này chúng tôi xác định chiến lược phát triển Gilimex trở

thành một công ty kinh doanh đa ngành trong đó ngành hàng gia dụng là chủ lực. Đồng thời, chúng tôi đang tìm mọi cách để phát huy hiệu quả của những dự án mà Gilimex đã triển khai trong thời gian qua.

Năm 2012, Hội đồng Quản trị Gilimex xác định “*Chia sẻ để phát triển*” nên sẽ có những quyết sách ứng phó phù hợp với diễn biến của thị trường để bảo toàn và phát triển tài sản của các Quý cổ đông đã ủy thác và kỳ vọng vào Công ty. Bên cạnh mục tiêu tạo giá trị gia tăng cao cho cổ đông bằng việc thực hiện nhiệm vụ của mình một cách tốt nhất là xây dựng một công ty phát triển bền vững, mức vốn hóa thị trường ngày càng cao và chia sẻ những đóng góp của Gilimex đối với đối tác, xã hội.

Thay mặt HĐQT Công ty cổ phần Gilimex, tôi chân thành cảm ơn những cổ đông đã có mặt cùng chúng tôi vượt qua khó khăn trong thời gian qua và vẫn tiếp tục ở lại cùng chúng tôi để đưa con tàu Gilimex đến bến bờ thành công, phấn đấu xây dựng Gilimex trở thành một tập đoàn kinh tế vững mạnh của Việt Nam.



Lê Hùng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



2 LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Những sự kiện quan trọng

Việc thành lập
Niêm yết
Các sự kiện

Quá trình phát triển

Ngành nghề sản xuất, kinh doanh
Các mốc phát triển
Tình hình hoạt động

Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu
Chiến lược phát triển trung và dài hạn

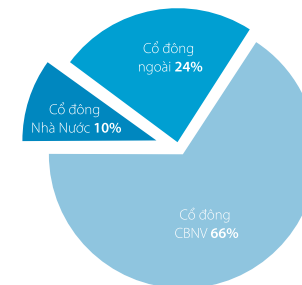
2 LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Những sự kiện quan trọng:

Việc Thành lập:

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh được thành lập theo Quyết định cổ phần hóa số 134/2000/QĐ-TTg ngày 24/11/2000 của Thủ Tướng Chính phủ từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh có tiền thân là Công ty Cung ứng hàng Xuất khẩu Quận Bình Thạnh được thành lập từ năm 1982 theo Quyết định số 39/QĐ-UB ngày 19/03/1982 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 27/12/2000, Công ty đã tiến hành Đại hội Cổ đông thành lập Công ty Cổ phần với Vốn Điều lệ Ban đầu là 12 tỷ đồng, cơ cấu vốn cổ đông như sau:



Cơ cấu cổ đông vào thời điểm tiến hành ĐHĐCĐ thành lập 27/12/2000

Ngày 29/12/2000, Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000253 và Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Bình Thạnh chính thức hoạt động từ ngày 01/01/2001.

Niêm yết:

Ngày 02/01/2002, Cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu thứ 11 được chính thức niêm yết giao dịch tại HoSE.
- Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán : GIL
- Mệnh giá : 10.000 đồng / cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết hiện nay : 12.774.588 cổ phiếu

Các sự kiện:

Tháng 8/2001: Công ty nâng vốn Điều lệ lên 17 tỷ đồng

Năm 2003 : Vốn điều lệ của Công ty là 25,5 tỷ đồng

Năm 2005: Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ lên 45,5 tỷ đồng để thực hiện Dự án Cao ốc Văn phòng tại số 24C Phan Đăng Lưu, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Tháng 9/2007: Để thực hiện Dự án Xí nghiệp may Tại Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Công ty đã huy động vốn thông qua phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ lên thành 102.198.810.000 đồng.

Tháng 4/2010: Công ty chia cổ tức 25% bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận năm 2009, tăng Vốn điều lệ từ 102.198.810.000 đồng lên 127.745.880.000 đồng.

Tháng 01/2012: Phát hành 550.000 cổ phiếu cho nhân viên Công ty, nâng vốn điều lệ Công ty lên thêm 5,5 tỷ đồng thành 133.245.880.000 đồng.

2 LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Quá trình phát triển:

Nghành nghề sản xuất kinh doanh:

Sản xuất, chế biến và xuất khẩu hàng may mặc, nông lâm thủy hải sản, thủ công mỹ nghệ, hàng da, cao su, lương thực thực phẩm, thiết bị, máy móc, vật liệu xây dựng, các loại nguyên liệu và các sản phẩm khác.

Nhập khẩu máy móc thiết bị, nguyên liệu, vật tư, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, kim khí điện máy, điện tử.

Dịch vụ thương mại và dịch vụ cầm đồ.

Xây dựng, trang trí nội thất, san lấp mặt bằng, kinh doanh địa ốc.

Hợp tác đầu tư trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn.

Các mốc phát triển:

Tháng 10/2006: Khởi công xây dựng Cao ốc văn phòng 24C Phan Đăng Lưu, Bình Thạnh, TP.HCM.

Tháng 10/2007: Khởi công xây dựng nhà máy may ba lô, túi xách tại Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tháng 8/2008: Nhà máy may Phú Mỹ hoạt động với tên Công ty TNHH một thành viên Thạnh Mỹ.

Tháng 1/2010: Cao ốc văn phòng Gilimex Building đã hoàn thiện và được đưa vào khai thác.

Quý I/2011: Hợp tác với Phong Phú phát triển các nhà máy sản xuất tại Miền Trung, văn phòng tại Đà Nẵng, nhà máy ở Huế và Quảng Trị.

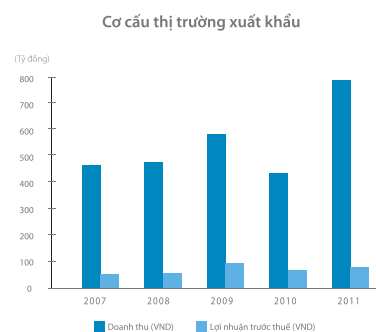
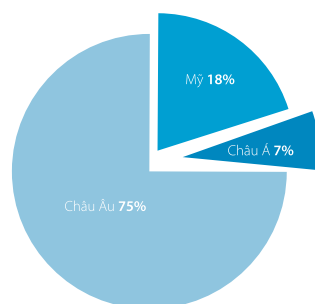
Đến nay, GILIMEX đã khẳng định được vị trí của mình trước công chúng và nhà đầu tư, là một trong những công ty niêm yết hoạt động có hiệu quả.

Doanh thu và lợi nhuận của công ty qua các năm như sau:

CHỈ TIÊU/NĂM	ĐVT	2007	2008	2009	2010	2011
Doanh thu	VND	449.156.127.391	457.347.311.465	562.616.139.148	416.011.725.891	726.235.622.771
Lợi nhuận trước thuế	VND	34.073.823.117	38.797.632.822	70.107.982.297	50.261.571.206	87.072.556.253

Tình hình hoạt động:

Với 30 năm thành lập và trưởng thành, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty liên tục phát triển, mở rộng quy mô đầu tư xây dựng các nhà xưởng với hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng những quy chuẩn của khách hàng và liên tục cải tiến nâng cao hiệu quả, tăng doanh thu xuất khẩu trực tiếp từ 2 triệu USD trong những năm đầu thành lập lên 33.123.220 USD trong năm 2011, với thị trường xuất khẩu ngày càng mở rộng



Biểu đồ doanh thu và lợi nhuận

2 LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Định hướng phát triển:

Các mục tiêu chủ yếu:

Tập trung đầu tư, mở rộng ngành may xuất khẩu, phát triển các sản phẩm mới, tăng doanh thu xuất khẩu trực tiếp vào các thị trường lớn như Mỹ, EU.

Đẩy mạnh xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm ba lô, túi xách của Công ty, đối với thị trường trong nước.

Hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty để nâng cao hiệu quả hoạt động. Cơ cấu, sắp xếp lại nhân sự hợp lý để phát huy tiềm lực con người, tạo điều kiện cho những cá nhân có tài năng phát triển sự nghiệp của mình và gắn bó với công ty. Cải thiện hệ thống quản lý chất lượng và quy chuẩn khách hàng để tăng năng suất, tiết kiệm chi phí, tăng tính cạnh tranh cho Công ty.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Đa dạng hóa các lĩnh vực kinh doanh bên cạnh ngành sản xuất chính là may gia dụng, sẽ phát triển

thêm may mặc thời trang và những lĩnh vực có tiềm năng như sản phẩm kim loại, đèn LED, lương thực và thực phẩm, dược phẩm và bệnh viện..., mở ra một giai đoạn phát triển mới cho Gilimex. Doanh thu ngành may sẽ tăng bình quân 20%/năm

Nghiên cứu xây dựng và phát triển bán sản phẩm ba lô, túi xách của Công ty tại thị trường nội địa.

Gilimex sẽ tiếp tục nghiên cứu và đầu tư các dự án bất động sản với những mặt bằng hiện có của Công ty, khai thác hiệu quả các bất động sản hiện có. Gilimex sẽ từng bước trở thành một tập đoàn kinh tế lớn mạnh không những trong nước mà ngày càng hội nhập quốc tế.



3 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kết quả hoạt động trong năm

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

Công tác giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

Về quản lý sản xuất kinh doanh

Về quản lý tài chính

Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu trong năm 2012

Chiến lược phát triển trung và dài hạn 2010 - 2015

Doanh thu xuất khẩu trực tiếp

33,12 triệu USD

Doanh thu

726,23 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế

87,07 tỷ đồng

“

So với các chỉ tiêu và mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông công ty Gilimex đề ra cho năm 2011, kết quả kinh doanh đều đạt vượt kế hoạch. Đạt được những kết quả trên là nhờ sự nỗ lực, phấn đấu kiên trì, bền chí, sự sáng tạo và cố gắng của tập thể CBCNV Công ty dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị và điều hành của Ban Giám đốc.

”

3 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kết quả hoạt động trong năm:

Năm 2011, mặc dù tình hình kinh tế thế giới cũng như trong nước gặp nhiều khó khăn, những hệ lụy của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới và mảm mống của cuộc khủng hoảng mới – khủng hoảng nợ công ở Châu Âu đang xuất hiện, nhưng Gilimex đã nỗ lực vượt qua để đạt được những thành quả vô cùng to lớn.

Tiếp tục tập trung cho lĩnh vực kinh doanh chính của công ty đó là ngành may gia dụng, trong năm qua, Công ty đã không ngừng đẩy mạnh đầu tư phát triển Nhà máy như:

- Đổi mới toàn bộ máy may tự động và các máy chuyên dùng hiện đại tại Nhà máy Bình Thạnh và Thạnh Mỹ.
- Liên tục đổi mới và hoàn thiện các quy trình, quy chế như quy chế lương, thưởng.
- Thu hút được nhiều nhân sự chất lượng cao về với Gilimex.
- Thực hiện cải tiến tăng 15% năng suất và mở rộng, tăng công suất vận hành của Gilimex lên gần 70% so với năm 2010, mang lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh vượt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- + Kim ngạch xuất khẩu trực tiếp: 33.123.220 USD đạt 165,6% kế hoạch
- + Doanh thu: 726.235.622.771 đồng đạt 159,26% kế hoạch

- Lợi nhuận sau thuế: 67.130.130.796 đồng đạt 149,18 % kế hoạch
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 5.825 đồng/cp
- Cổ tức đã trả: 40% (4.000 đồng/cp).

So với các chỉ tiêu và mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông công ty Gilimex đề ra cho năm 2011, kết quả kinh doanh đều đạt vượt kế hoạch. Đạt được những kết quả trên là sự nỗ lực, phấn đấu kiên trì, bền chí, sự sáng tạo và cố gắng của tập thể CBCNV Công ty dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị và điều hành của Ban Giám đốc. Công ty đã có chiến lược đúng đắn, mạnh dạn tái cơ cấu bộ máy và kịp thời đưa ra những chính sách lương, thưởng, ưu đãi để ổn định, khuyến khích, tạo niềm tin và vực dậy tinh thần lao động hăng say, sáng tạo cho tất cả CBCNV Công ty yên tâm sản xuất và làm việc vì mục tiêu chung của Công ty đó là *"Sự phát triển bền vững của GILIMEX"*.

Tại Đại hội này, chúng ta nhiệt liệt biểu dương tập thể những người lao động tại công ty Gilimex đã vượt qua khó khăn thách thức để giữ vững hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, duy trì uy tín thương hiệu Gilimex, đảm bảo lợi ích của cổ đông và đảm bảo đời sống của người lao động. Đại hội cũng kêu gọi tập thể CB–CNV tiếp tục đoàn kết, hợp tác, chung sức, chung lòng xây dựng công ty Gilimex phát triển bền vững trong những năm sắp tới.

3 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2011, Hội đồng quản trị đã tiến hành 16 (mười sáu) phiên họp để quyết định các vấn đề chính sau:

- Chuẩn bị, tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2010 và Đại hội cổ đông bất thường năm 2011
- Phân công nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị, giải quyết những vụ việc còn tồn đọng như dự án nhà máy Thạnh Mỹ.
- Thông qua các báo cáo quyết toán hàng quý.
- Phê duyệt việc trả cổ tức, mua cổ phiếu quỹ và đầu tư tài chính của các Công ty con.

- Bầu chủ tịch HĐQT, phê duyệt cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, phê duyệt việc từ nhiệm và bổ nhiệm nhân sự (thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty con và một số cán bộ quản lý) của Công ty nhằm hoàn thiện bộ máy quản lý.
- Thông qua việc mở văn phòng đại diện tại Singapore.
- Thông qua việc tăng tỷ lệ vốn góp vào Công ty GILIMEX – PPJ lên 53%.
- Thông qua phương án và danh sách chào bán cổ phần cho nhân viên Công ty.



3 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công tác giám sát hoạt động của Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý:

Hiện có 2 (hai) trong số 6 (sáu) thành viên của Hội đồng quản trị tham gia điều hành trong Công ty, một thành viên tư vấn pháp lý cho hoạt động của Công ty, vì vậy việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên khác không điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý. Cụ thể:

- Hàng quý, Ban Tổng giám đốc đều có báo cáo để Hội đồng quản trị nắm rõ diễn biến các hoạt động của Công ty và kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết.

- Tham gia họp với Ban Tổng giám đốc và các đối tác có liên quan khi có các vấn đề quan trọng trong kinh doanh, đầu tư...

- Tham gia ý kiến hoặc chỉ đạo trực tiếp đối với các vấn đề phát sinh quan trọng hoặc đột xuất.

Qua quá trình giám sát, Hội đồng quản trị nhận thấy:

Về quản lý sản xuất kinh doanh:

Ban Tổng giám đốc kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình quản lý điều hành Công ty phù hợp với tình hình thực tế của thị trường và yêu cầu của Hội đồng quản trị. Ban giám đốc đã rất nỗ lực, luôn cố gắng suy nghĩ tìm tòi, năng động và sáng tạo để

quản lý, lãnh đạo Công ty đi đúng hướng cũng như đưa ra những giải pháp phù hợp và kịp thời nhằm đưa công ty vượt qua những khó khăn thách thức của thị trường, khai thác hiệu quả các nguồn lực của Công ty, tích cực mở rộng quan hệ đối tác đảm bảo phát triển bền vững lâu dài cho Công ty.

Đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty có tầm nhìn, năng động, tư duy cải tiến và quản lý hiệu quả, nhanh nhạy trong việc nắm bắt và thích nghi với tình hình đầy biến động của thị trường, điều hành và quản lý kinh doanh hiệu quả, thường xuyên quan tâm chăm sóc đến đời sống vật chất cũng như tinh thần của cán bộ công nhân viên, đặc biệt là công nhân lao động. Vì thế, trong tình hình khó khăn chung về nhân công, sau dịp tết Nguyên đán hầu hết công nhân đã quay trở lại nhà máy làm việc.

Về quản lý tài chính:

Tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh, vốn được bảo toàn và phát triển, đảm bảo lợi ích của cổ đông và người lao động. Mọi hoạt động đều được kiểm tra và giám sát bởi Ban Kiểm soát Công ty.

Công tác thông tin, báo cáo kịp thời, quyết toán đúng theo quy định, đảm bảo cho việc điều hành và kinh doanh hiệu quả.

“

Hội đồng Quản trị đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra. Tình hình kinh doanh ổn định, đạt được kết quả khả quan và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của Công ty trong năm 2012 và những năm sắp tới. Công tác quản lý chặt chẽ, hiệu quả, vốn được bảo toàn và phát triển.

”

3 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Định hướng phát triển:

Các mục tiêu chủ yếu trong năm 2012:

- Tập trung đầu tư, cải tiến quy trình sản xuất theo phương pháp quản trị sản xuất hiện đại nhằm nâng cao năng suất với mục tiêu tăng 10% năng suất hiện tại.

- Tiếp tục đầu tư, cải tạo nhà xưởng, mở rộng quy mô sản xuất với công suất tăng 20% - 30% so với năm 2011.

- Tập trung nghiên cứu phát triển sản phẩm mới có tiềm năng.

- Xây dựng chính sách tốt đối với người lao động nhằm chăm sóc và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, một mặt động viên và khích lệ tinh thần gắn bó và làm việc của cán bộ công nhân viên hiện tại, mặt khác thu hút được lực lượng nhân lực mới đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty trong thời gian tới.

- Tiếp tục khai thác hiệu quả cao ốc văn phòng Gilimex đạt tỷ lệ cho thuê 100%, xúc tiến các thủ tục pháp lý triển khai các dự án bất động sản của Công ty.

- Phát triển thương hiệu Gilimex tại thị trường trong nước cũng như ngoài nước, thiết lập kênh phân phối ba lô, túi xách ở thị trường nội địa.

- Hoàn thiện hệ thống tổ chức quản trị Công ty theo hướng tinh gọn hiệu quả, tiếp tục thực hiện chủ

trương sắp xếp nhân lực nhằm nâng cao tính cạnh tranh của Công ty.

- Tiếp tục cải tiến hoàn chỉnh hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống quy chuẩn của khách hàng tại 4 Nhà máy: Bình Thạnh, Thanh Mỹ, Huế và Quảng Trị.

- Xây dựng và hoàn thiện các quy trình quản lý nhằm kiểm soát chi phí, giảm giá thành sản xuất, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty.

- Mục tiêu sản xuất kinh doanh 2012 của Gilimex như sau:

- Kim ngạch xuất khẩu trực tiếp: 42.000.000 USD
- Doanh số: 900 tỷ VNĐ
- Lợi nhuận sau thuế: 55 tỷ - 70 tỷ VNĐ

Chiến lược phát triển trung và dài hạn 2010 - 2015:

Mục tiêu của GILIMEX đến 2015 là trở thành một tập đoàn kinh tế mạnh của Việt Nam, hoạt động trong 5 nhóm ngành nghề chính:

- Hàng Gia dụng xuất khẩu
- Hàng may mặc thời trang
- Lương thực và thực phẩm
- Bóng đèn và phích nước
- Dược phẩm và bệnh viện

4 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng quan về tình hình hoạt động của công ty năm 2011

Báo cáo tình hình tài chính năm

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011

Những mặt công tác nổi bật năm 2011

Kế hoạch kinh doanh năm 2012

Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chủ yếu

Các biện pháp thực hiện

4 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng quan về tình hình hoạt động của Công ty năm 2011:

Thực hiện mục tiêu, chiến lược của Hội đồng Quản trị, năm 2011, Công ty đã đầu tư chủ yếu tập trung cho ngành may để tăng công suất vận hành của các nhà máy như sau:

1. Nhà máy Bình Thạnh: 25 chuyển
(năm 2010: 25 chuyển)

2. Nhà máy Thạnh Mỹ: 9 chuyển
(năm 2010: 7 chuyển)

3. Nhà máy tại Huế: 06 chuyển (nhà máy mới)

4. Nhà máy Quảng Trị: 09 chuyển (nhà máy mới)

Tổng cộng: 49 chuyển tăng 53% so với 32 chuyển của năm 2010

Bên cạnh đó, những lĩnh vực khác như bất động sản, cho thuê mặt bằng, văn phòng Cao ốc (lắp đầy gần 100%) cũng góp phần đem lại hiệu quả kinh doanh cho Công ty.

Báo cáo tình hình tài chính năm

Năm 2011, với chính sách nhạy bén và linh hoạt trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn, đảm bảo khai thác nguồn lực công ty một cách hiệu quả nhất, duy trì năng lực tài chính mạnh thể hiện qua các chỉ tiêu tài chính, kết quả kinh doanh đến 31/12/2011 như sau:

Khả năng sinh lời

- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Tổng Tài sản: 8,81 %
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần: 9,24 %
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu: 20,33 %

Khả năng thanh toán

- Khả năng thanh toán nhanh: 1,05 lần
- Khả năng thanh toán hiện hành: 1,42 lần
- Giá trị sổ sách một cổ phiếu tính đến ngày 31/12/2011: 28.649 VNĐ/CP

Những thay đổi về vốn điều lệ: Trong năm 2011, Vốn điều lệ của Công ty không thay đổi là 127.745.880.000 VNĐ.

Cổ phiếu:

Tổng số cổ phiếu theo vốn điều lệ : 12.774.588 CP

Trong đó:

- Cổ phiếu phổ thông: 12.774.588 CP
- Cổ phiếu loại khác: Không có
- Mệnh giá 01 cổ phiếu: 10.000 VNĐ
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 11.524.588 CP
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.250.000 CP

Cổ tức:

Năm 2011, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức như sau:

- Chi trả cổ tức bằng tiền mặt: 40% trên mệnh giá (4.000 VNĐ/CP)
- Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu: 0%

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011:

Các chỉ tiêu chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	2010	2011			Tăng/giảm
			Kế hoạch	Thực hiện	% đạt KH	So với 2010
Kim ngạch xuất khẩu trực tiếp	USD	17.790.856	20.000.000	33.123.000	165,62	86,18%
Tổng Doanh thu	VNĐ	416.011.752.891	456.000.000.000	726.235.622.771	159,26	74,57%
Lợi nhuận sau thuế	VNĐ	36.754.451.056	45.000.000.000	67.130.130.796	149,18	82,64%
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	VNĐ/CP	3.039		5.825		91,67%

4 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng quan về tình hình hoạt động của Công ty năm 2011:

Các hệ số tài chính cơ bản:

CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2010	NĂM 2011
1. Cơ cấu Tài Sản			
Tài sản dài hạn / Tổng Tài sản	%	25,51	21,44
Tài sản ngắn hạn / Tổng Tài sản	%	74,49	78,56
2. Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	33,47	56,67
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	66,53	43,33

Những mặt công tác nổi bật năm 2011:

Sản xuất kinh doanh:

Tập trung đổi mới, đầu tư các Nhà xưởng, máy móc thiết bị nâng cao công suất, cải tiến năng suất.

Hoàn thiện hệ thống các quy chuẩn, hệ thống chất lượng đáp ứng yêu cầu của khách hàng, tìm thêm nhiều khách hàng mới tiềm năng như Ballard, Decathlon...

Tổ chức quản lý, cơ cấu nguồn nhân lực:

Cơ cấu lại nguồn nhân lực phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

Quan tâm đến công tác tuyển dụng và đặc biệt là thu hút tài năng về làm việc tại Công ty.

Đầu tư hệ thống máy chấm công và tính lương tự động cho công ty và các Nhà máy, đảm bảo tính minh bạch

và công bằng trong công tác quản lý giờ công và trả lương cho người lao động.

Đặc biệt quan tâm công tác bảo vệ an ninh trật tự, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và chăm sóc y tế cho người lao động.

Công tác chăm lo đời sống cho người lao động:

Tập trung xây dựng và hoàn thiện các chính sách, chế độ cho người lao động.

Tổ chức các hoạt động vui chơi, sinh hoạt tập thể nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân.

Luôn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, bảo hiểm, phúc lợi đối với người lao động, nâng cao thu nhập cho người lao động, năm 2011 thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty là 5 triệu đồng /tháng.

4 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng quan về tình hình hoạt động của Công ty năm 2011 (tiếp):

Bất động sản:

Cao ốc văn phòng GILIMEX: Việc cho thuê đạt 97%, Tập trung giảm thiểu chi phí, nâng cao chất lượng dịch vụ trong hoạt động quản lý Cao ốc.

Các dự án bất động sản khác:

Tập trung xúc tiến các thủ tục pháp lý đối với các dự án bất động sản khác: 78B Bình Triệu (sẽ triển khai dự án trong năm 2012), Dự án Bình Quới và một số bất động sản khác.

Việc quản lý tài chính:

Thực hiện hệ thống quản lý tài chính kế toán chặt chẽ, minh bạch, tuân thủ đầy đủ quy định của nhà nước về công tác kế toán tài chính, thuế doanh nghiệp.

Quản lý chặt chẽ chi phí sản xuất kinh doanh, quản lý tốt việc tuân thủ định mức kỹ thuật, định mức tiêu

hao nguyên vật liệu, đảm bảo hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Tập trung và nhạy bén trong việc sử dụng nguồn vốn của Công ty đúng mục đích, bảo toàn vốn và mang lại hiệu quả.

Khai thác một cách hiệu quả lợi thế tài chính từ nguồn ngoại tệ xuất khẩu góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2011.

Những nỗ lực trên, đã giúp Công ty vượt qua được những khó khăn của năm 2011 và đã mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh khả quan cho Công ty, nhất là đã tạo được niềm tin, ổn định được tinh thần làm việc, tạo sự gắn bó lâu dài của người lao động với Công ty GILIMEX.

“

Năm 2012, tình hình kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, nguồn nhân công vẫn là vấn đề khó khăn. Tuy nhiên, với những chủ trương, định hướng sản xuất kinh doanh đúng đắn, sự tin tưởng ủng hộ của quý cổ đông, cùng với quyết tâm, nỗ lực của tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên, năm 2012, Gilimex tập trung phát triển sản xuất kinh doanh với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

”

Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chủ yếu:

CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2011	KẾ HOẠCH NĂM 2012	TĂNG/GIẢM SO VỚI 2011
Doanh thu XK trực tiếp	USD	33.123.220	42.000.000	26,80%
Tổng doanh thu	VND	726.235.622.771	900.000.000.000	23,92%
Lợi nhuận sau thuế	VND	67.130.130.796	55 tỷ - 70 tỷ đồng	-18% đến +10,58%

Các biện pháp thực hiện:

Sản xuất kinh doanh:

Tập trung phát huy uy tín thế mạnh hiện có để tập trung đẩy mạnh ngành hàng chính của Công ty là may xuất khẩu hàng gia dụng...; tiếp tục duy trì quan hệ tốt với khách hàng truyền thống, đồng thời tích cực mở rộng các khách hàng mới nhằm hạn chế rủi ro trong kinh doanh và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Đầu tư cải tạo, xây dựng Nhà xưởng để trở thành các trung tâm sản xuất. Đồng thời, tập trung cho lĩnh vực thiết kế mẫu mã với định hướng là thiết kế bán sản phẩm thay vì FOB như hiện nay và sẽ phát triển thêm may mặc thời trang và những ngành hàng khác có tiềm năng. Cụ thể, Công ty sẽ đầu tư thêm nhà máy để tăng công suất so với hiện tại, năm 2012 các nhà máy sẽ vận hành với số lượng chuyển may như sau:

1. Nhà máy Bình Thạnh: 27 chuyển.
2. Nhà máy Thạnh Mỹ: 16 - 25 chuyển
3. Nhà máy tại Huế: 16 - 20 chuyển
4. Nhà máy Quảng Trị: 14 - 20 chuyển

Đầu tư phát triển thêm

5. Một nhà máy dệt may tại Nha Trang,
6. Một nhà máy tại TP. Hồ Chí Minh: 10 - 12 chuyển

Mở rộng quan hệ đối tác để tạo nền tảng phát triển vững chắc cho công ty.

Đối phó kịp thời với tình hình giá cả biến động, chuẩn bị đủ nguồn cung ứng nguyên phụ liệu đảm bảo sản xuất ổn định.

Đầu tư máy móc thiết bị hiện đại và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý tốt các nhà cung cấp, nguồn cung ứng nguyên vật liệu và tồn kho nhằm đảm bảo sản xuất ổn định và tiết kiệm chi phí hàng tồn kho, nâng cao hiệu quả hoạt động của sản xuất.

Chú trọng công tác tuyển dụng và đào tạo công nhân để khai thác tối đa công suất của các nhà máy.

Hoàn thiện hệ thống chính sách, tiền lương, tiền thưởng và các chế độ phúc lợi nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, để người lao động gắn bó lâu dài với công ty.

Tập trung duy trì và cải tiến hệ thống các quy chuẩn, chất lượng, hoàn chỉnh bộ máy tổ chức Công ty từ các Nhà máy, Công ty con đến công ty mẹ, quản lý tập trung nhằm nâng cao hiệu quả trong việc điều hành.

Bất động sản:

Phấn đấu cho thuê tòa nhà GILIMEX đạt công suất cho thuê 100% trong năm 2012.

Tiếp tục đẩy nhanh thủ tục pháp lý các dự án bất động sản, lập dự án đầu tư và tùy theo tình hình thị trường để có phương án đầu tư hợp lý, hiệu quả và đảm bảo an toàn tài chính cho Công ty.

Công tác Tài chính kế toán:

Sử dụng nguồn vốn một cách hiệu quả, đảm bảo an toàn tài chính.

Tiếp tục khai thác ưu thế được vay ngoại tệ với lãi suất thấp của doanh nghiệp xuất khẩu có nguồn thu ngoại tệ, luân chuyển giữa tiền đồng và Đô La Mỹ để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Áp dụng các phần mềm quản trị doanh nghiệp, tổ chức tốt hệ thống kiểm soát nội bộ để tiết kiệm chi phí trong sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động.

Tổ chức bộ máy quản lý và nhân sự:

Hoàn thiện hệ thống điều hành quản lý công ty theo hướng tinh gọn và hiệu quả, quản lý tập trung, áp dụng chính sách ưu đãi đối với người lao động trong việc tổ chức bộ máy để mở rộng quy mô và lĩnh vực sản xuất của công ty theo phương châm "Xây dựng – vận hành – chuyển giao".

5 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Hệ thống tổ chức bộ máy Công ty Gilimex

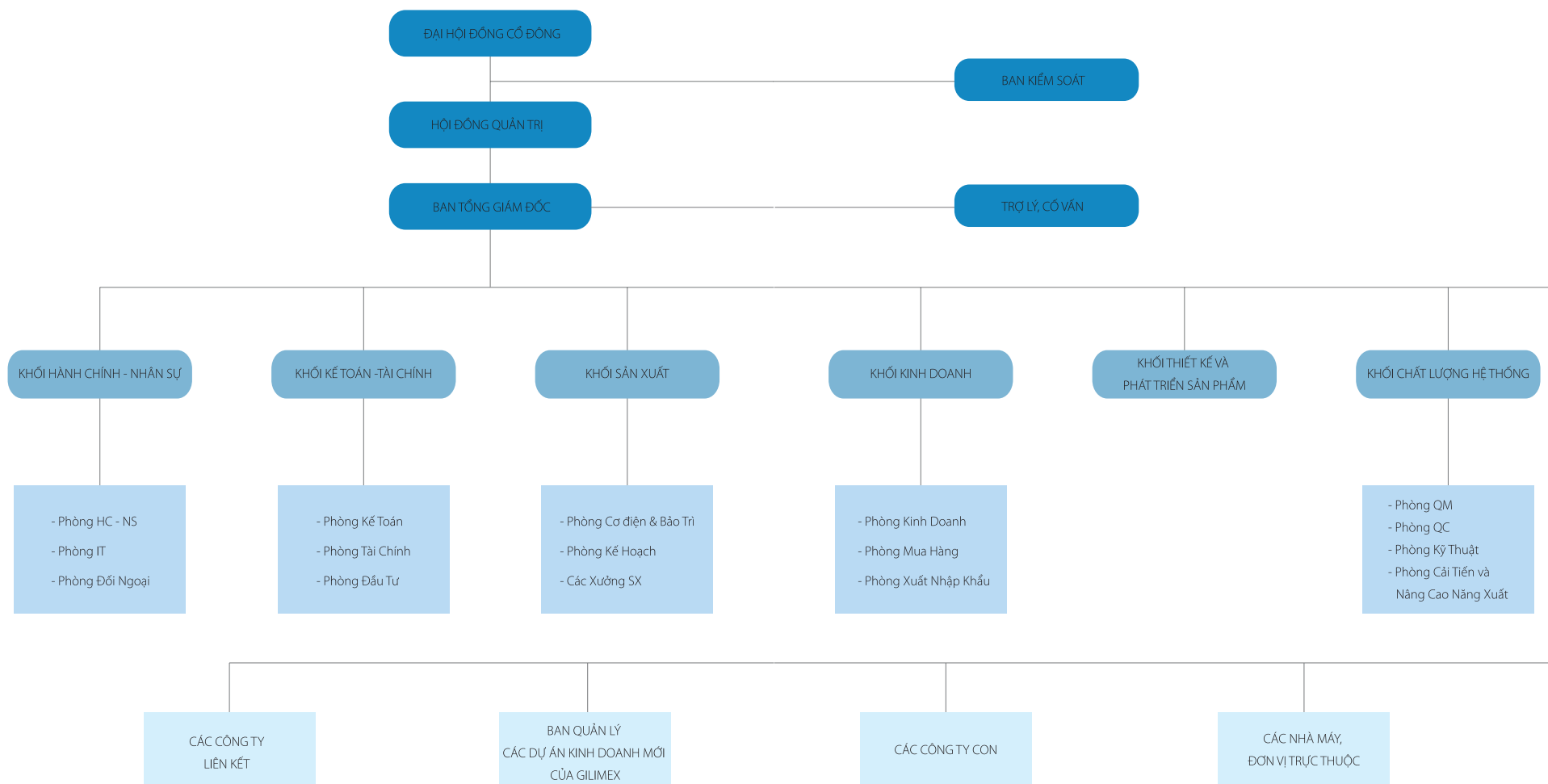
Hội đồng Quản trị

Ban Điều hành

Ban Kiểm soát

Cơ cấu nhân sự và các chế độ chính sách,
công tác đoàn thể





5 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Hội đồng Quản trị



1. Ông LÊ HÙNG - Chủ tịch
2. Ông NGUYỄN HOÀI NAM - Thành viên
3. Ông NGUYỄN MẠNH HÙNG - Thành viên
4. Ông NGUYỄN VĂN LUÂN - Thành viên
5. Ông ĐẶNG VŨ HÙNG - Thành viên
6. Ông NGUYỄN HỒ TRUNG - Thành viên

Tóm tắt lý lịch Hội đồng Quản trị

1	Ông LÊ HÙNG Ngày tháng năm sinh: Trình độ văn hóa : Trình độ chuyên môn:	Chủ tịch 24/08/1974 12/12 Cử nhân kinh tế
2	Ông NGUYỄN HOÀI NAM Ngày tháng năm sinh: Trình độ văn hóa: Trình độ chuyên môn:	Thành viên 16/4/1978 12/12 Cử nhân kinh tế,Thạc sỹ QTKD
3	Ông NGUYỄN MẠNH HÙNG Ngày tháng năm sinh: Trình độ văn hóa : Trình độ chuyên môn:	Thành viên 25/04/1972 12/12 Cử nhân Luật
4	Ông NGUYỄN VĂN LUÂN Ngày tháng năm sinh: Trình độ văn hóa : Trình độ học vấn:	Thành viên 26/10/1970 12/12 Đại học
5	Ông ĐẶNG VŨ HÙNG Ngày tháng năm sinh: Trình độ văn hóa : Trình độ chuyên môn:	Thành viên 24/7/1971 Cao học Tiến sỹ kỹ thuật (công nghệ dệt)
6	Ông NGUYỄN HỒ TRUNG Ngày tháng năm sinh: Trình độ văn hóa : Trình độ chuyên môn:	Thành viên 06/9/1969 12/12 Cử nhân vật lý



- | | |
|---|--|
| 1. Ông LÊ HÙNG - Tổng Giám đốc | 8. Ông TRẦN VĂN HÙNG - Giám đốc Nghiên cứu & Phát triển SP |
| 2. Ông NGUYỄN HỒ TRUNG - Phó Tổng Giám đốc | 9. Ông DƯƠNG QUỐC ĐẠT - Thành viên Ban Giám đốc |
| 3. Ông PHẠM PHÚ HỮU - Phó Tổng Giám đốc | 10. Ông TRẦN THẾ TÂM - GP DA, Kim loại & Bóng đèn |
| 4. Ông NGUYỄN HẢI SƠN - Phó Tổng Giám đốc | 11. Ông NGUYỄN THẮNG CƯỜNG - Giám đốc SX |
| 5. Ông TRẦN ĐÌNH GIA MINH - Giám đốc Kinh doanh | 12. Bà NGUYỄN THỊ MINH HIẾU - Kế toán trưởng |
| 6. Bà TRỊNH THỊ KIM OANH - Giám đốc BDS | 13. Ông NGÔ XUÂN MINH - Trưởng phòng HC-NS |
| 7. Ông TRẦN NGUYỄN HÀN GIANG - Giám đốc Chất lượng & Hệ thống | |

Tóm tắt lý lịch Ban Tổng Giám đốc

- | | | |
|----------|--|--|
| 1 | Ông LÊ HÙNG:
Ngày tháng năm sinh:
Trình độ văn hóa:
Trình độ chuyên môn: | Tổng Giám đốc
24/08/1974
12/12
Cử nhân kinh tế |
| 2 | Ông NGUYỄN HỒ TRUNG
Ngày tháng năm sinh:
Trình độ văn hóa:
Trình độ chuyên môn: | Phó Tổng Giám đốc
16/09/1969
12/12
Cử nhân Vật lý |
| 3 | Ông PHẠM PHÚ HỮU
Ngày tháng năm sinh:
Trình độ văn hóa:
Trình độ chuyên môn: | Phó Tổng Giám đốc
04/12/1963
12/12
Cử nhân ngành QTKD |
| 4 | Ông NGUYỄN HẢI SƠN
Ngày tháng năm sinh:
Trình độ văn hóa:
Trình độ chuyên môn: | Phó Tổng Giám đốc
03/03/1967
12/12
Thạc Sĩ ngành QTKD |
| 5 | Bà NGUYỄN THỊ MINH HIẾU
Ngày tháng năm sinh:
Trình độ văn hóa:
Trình độ chuyên môn: | Kế toán trưởng
11/05/1982
12/12
Cử nhân kinh tế chuyên ngành KTKT |

5 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Ban Kiểm soát:



1. Ông VÕ VĂN HẢO - Trưởng Ban kiểm soát
2. Ông ĐÀO SĨ TRUNG - Thành viên
3. Ông NGUYỄN QUANG MINH - Thành viên

Tóm tắt lý lịch Ban Kiểm soát

1	Ông VÕ VĂN HẢO Ngày tháng năm sinh: Trình độ văn hóa: Trình độ chuyên môn:	Trưởng ban 27/03/1982 12/12 Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng
2	Ông ĐÀO SĨ TRUNG Ngày tháng năm sinh: Trình độ văn hóa: Trình độ chuyên môn:	Thành viên 20/12/1964 12/12 Cử nhân ngành QTKD
3	Ông NGUYỄN ĐÌNH QUANG MINH Ngày tháng năm sinh: Trình độ văn hóa: Trình độ chuyên môn:	Thành viên 11/03/1973 12/12 Cử nhân kinh tế

5 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Cơ cấu nhân sự & các chế độ, chính sách, công tác đoàn thể

Cơ cấu nhân sự

Tổng số Cán bộ CNV toàn Công ty tính đến thời điểm 31/12/2011: 1.804 người

Phân theo trình độ:

Đại học, Cao đẳng trở lên	124 người	tỷ lệ	6,80%
Trung học chuyên nghiệp	56 người	tỷ lệ	3,20%
Công nhân Kỹ thuật và trình độ khác	1.624 người	tỷ lệ	90,00%

Phân theo phân công lao động:

Cán bộ lãnh đạo quản lý	38 người	tỷ lệ	2,10%
Cán bộ kỹ thuật nghiệp vụ	310 người	tỷ lệ	17,20%
Nhân viên phục vụ	49 người	tỷ lệ	2,70%
Công nhân ngành nghề	1.407 người	tỷ lệ	78,00%



Các chế độ, chính sách

Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h30 phút, hiện nay Công ty đang sản xuất 1 ca/ngày. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì người lao động Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ nhưng không vượt quá thời gian quy định của Luật Lao động và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động. Thời gian nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản được bảo đảm theo đúng quy định của Bộ luật lao động.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong việc nâng cao hiệu suất lao động, khích lệ tinh thần làm việc của nhân viên, Công ty đưa ra chính sách thưởng năng suất hàng tháng, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể có thành tích thi đua, sáng kiến. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện năng suất lao động, tiết kiệm nguyên vật liệu trong sản xuất, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật và hiệu quả công việc.

Công ty thực hiện các chính sách xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Hàng năm Công ty, tổ chức khám sức khỏe định kỳ 2 lần cho cán bộ công nhân viên, tổ chức đi nghỉ mát, duy trì phong trào Văn - Thể - Mỹ. Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên: Nhằm tạo sự gắn bó lâu dài của nhân viên với Công ty và tạo động lực khuyến khích

cho cán bộ công nhân viên làm việc. Năm 2011, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt có thành tích tốt trong công việc và tiếp tục sang năm 2012 cũng sẽ xem xét thực hiện chính sách này cho cán bộ công nhân viên.

Chính sách đào tạo:

Chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là cải tiến hệ thống ISO, hệ thống quy chuẩn chất lượng, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công nhân, nhân viên tại xí nghiệp sản xuất. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

Đào tạo nhân viên mới: sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về chuyên môn, nghiệp vụ, nội quy lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy, trách nhiệm quyền hạn được giao.

Đào tạo hàng năm: Căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, hàng năm Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khóa huấn luyện... Kết quả sau mỗi khóa học được báo cáo đầy đủ ngay để Công ty đánh giá hiệu quả của các phương pháp và hình thức đào tạo. Những cán bộ công nhân viên được cử đi học được Công ty hỗ trợ chi phí học tập và tạo điều kiện về thời gian.

Công tác đoàn thể:

Phát động phong trào thi đua sáng tạo cải tiến kỹ thuật tăng năng suất lao động, quản lý chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giảm hao hụt nguyên phụ liệu, giá thành hợp lý, góp phần nâng cao thu nhập của người lao động.

Đẩy mạnh các phong trào thể dục thể thao, PCCC, các hội thi cho CB-CNV để khuyến khích tinh thần làm việc của người lao động.

Xây dựng các tổ chức Đảng, Đoàn và Công đoàn Công ty mạnh cả về chất và lượng, thực sự là trung tâm sinh hoạt chính trị của người lao động.

6 THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Hội đồng Quản trị

Ban Kiểm soát

Các dữ liệu thống kê về cổ đông (tại thời điểm 17/02/2012)

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (có quyền biểu quyết)
tại thời điểm 17/02/2012

Cơ cấu cổ đông của Gilimex tại thời điểm 17/02/2012

Báo cáo phụ cấp của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2011

“

GILIMEX sẽ phấn đấu hết mình nhằm mang lại hiệu quả đầu tư cho mọi cổ đông, tạo sự tin cậy cao đối với khách hàng, đối tác, mang lại quyền lợi chính đáng cho tập thể cán bộ nhân viên Công ty.

”

6 THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng Quản trị & Ban Kiểm soát

Hội đồng Quản trị

- Hội đồng Quản trị của Công ty GILIMEX có 6 thành viên, gồm một Chủ tịch và năm Thành viên.
- Nhiệm kỳ: 5 năm

Họ tên	Chức danh	Số CP tính đến 17/2/2012	Tỷ lệ sở hữu trên số cp đang lưu hành là 12.074.588 cp
Lê Hùng	Chủ tịch HĐQT	1.216.461	10,07%
Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	628.402	5,20%
Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT	51.050	0,42%
Nguyễn Văn Luân	Thành viên HĐQT	50.000	0,41%
Đặng Vũ Hùng	Thành viên HĐQT	50.000	0,41%
Nguyễn Hồ Trung	Thành viên HĐQT	65.010	0,54%

Ban Kiểm soát

- Ban Kiểm Soát của Công Ty GILIMEX có 3 thành viên, gồm một trưởng ban và hai thành viên.
- Nhiệm kỳ: 5 năm.

Họ tên	Chức vụ	Số CP 17/2/2012	Tỷ lệ sở hữu trên số cp đang lưu hành là 12.074.588 cp
Võ Văn Hào	Trưởng BKS	51.875	0,43%
Nguyễn Đình Quang Minh	Thành viên BKS	5.000	0,04%
Đào Sỹ Trung	Thành viên BKS	15.286	0,13%

6 THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các dữ liệu thống kê về cổ đông (tại thời điểm 17/02/2012)

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (có quyền biểu quyết) tại thời điểm 17/2/2012:

STT	Họ tên	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu	Giá trị VND	Tỷ lệ
1	Lê Hùng	334A Phan Văn Trị, P.11, Q. Bình Thạnh	1.216.461	12.164.610.000	10,07%
2	Nguyễn Mạnh Hùng	231 Lê Thánh Tôn, Q. 1 (lầu 5, VP. Luật sư Hùng và đồng sự)	628.402	6.284.020.000	5,20%
3	Nguyễn Minh Châu	297/24 Lý Thường Kiệt, P.15, Q.11, TP. HCM	617.380	6.173.800.000	5,11%
4	Quỹ Tầm nhìn SSI	Tầng 5, Số 1C Ngô Quyền, Hà Nội	1.672.210	16.722.100.000	13,85%
5	Công Ty TNHH MTV BDS Gia Định	Tầng 4, Tòa Nhà Gilimex, 24C Phan Đăng Lưu, P. 6, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	629.940	6.299.400.000	5,22%
6	PXP VIETNAM FUND LIMITED	Tầng 6, tòa nhà Opera View, 161 Đồng Khởi, Quận 1, TP. HCM	687.500	6.875.000.000	5,69%
	TỔNG CỘNG		5.451.893	54.518.930.000	45,15%

Cơ cấu cổ đông của Gilimex tại thời điểm 17/2/2011:

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng	Số CP có quyền BQ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổ chức trong nước	58	4.934.325	49.343.250.000	40,87%
2	Cá nhân trong nước đã lưu ký	1.209	5.184.892	51.848.920.000	42,94%
3	Cá nhân trong nước chưa lưu ký	268	586.727	5.867.270.000	4,86%
4	Tổ chức nước ngoài	9	969.167	9.691.670.000	8,03%
5	Cá nhân nước ngoài	153	399.477	3.994.770.000	3,31%
	TỔNG CỘNG	1.697	12.074.588	120.745.880.000	100%

7 BẢO CÁO PHỤ CẤP CỦA HĐQT, BKS & TGD

Báo cáo phụ cấp của Hội đồng Quản trị

Báo cáo phụ cấp của Ban Kiểm soát, lương Tổng Giám đốc

7 BẢO CÁO PHỤ CẤP CỦA HĐQT, BKS VÀ TGD NĂM 2011

Phụ cấp của Hội đồng Quản trị

Thực hiện năm 2011 là 398.000.000 đồng, trong đó:

Chủ tịch HĐQT :	Ông Lê Hùng	84.000.000 đồng
Thành viên HĐQT:	Ông Nguyễn Hoài Nam	66.000.000 đồng
Thành viên HĐQT:	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	54.000.000 đồng
Thành viên HĐQT:	Ông Nguyễn Văn Luân	54.000.000 đồng
Thành viên HĐQT:	Ông Đặng Vũ Hùng	24.000.000 đồng
Thành viên HĐQT:	Ông Nguyễn Hồ Trung	30.000.000 đồng
Thành viên HĐQT:	Ông Đoàn Ngọc Quang (T1-T3)	12.000.000 đồng
Chủ tịch HĐQT:	Ông Nguyễn Bằng Tâm (T1-T4)	32.000.000 đồng
Thành viên HĐQT:	Ông Phạm Phú Hữu (T1 – T8)	42.000.000 đồng

Phụ cấp của Ban Kiểm soát, thực hiện năm 2011 là 150.000.000 đồng, trong đó :

Trưởng BKS :	Ông Võ Văn Hào	66.000.000 đồng
Thành viên BKS:	Ông Đào Sỹ Trung	38.000.000 đồng
Thành viên BKS:	Ông Dương Minh Nhật (T1-T9)	30.000.000 đồng
Thành viên BKS:	Ông Nguyễn Đình Quang Minh	16.000.000 đồng

Lương Tổng giám đốc:	944.000.000 đồng
----------------------	------------------

Kim ngạch xuất khẩu trực tiếp

Tăng **86,18%**

Tổng doanh thu

Tăng **74,57%**

Lợi nhuận sau thuế

Tăng **82,64%**

Tình hình và kết quả kinh doanh của Gilimex:

Những thuận lợi

Những khó khăn

Kết quả hoạt động của Ban Kiểm Soát

Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Bộ máy quản lý

Báo cáo đánh giá sự phối hợp giữa Ban Kiểm Soát với Hội đồng quản trị và Ban Giám Đốc

Kiến nghị

Kết luận

CÔNG TY CỔ PHẦN
SẢN XUẤT - KINH DOANH - XNK BÌNH THẠNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kính thưa Quý vị cổ đông

Ban Kiểm soát (BKS) chúng tôi xin báo cáo tình hình và kết quả hoạt động của BKS trong năm 2011 với các nội dung sau:

I. Tình hình và kết quả kinh doanh của Gilimex:

Năm 2011 công ty đạt được những kết quả hết sức khả quan trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam cũng như thế giới còn nhiều khó khăn cụ thể như sau:

- Doanh thu hợp nhất đạt 726.2 tỷ đồng vượt 74.57% với kế hoạch 456 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 67.1 tỷ đồng vượt 49.18% so với kế hoạch 45 tỷ đồng.

Đạt được những thành tích trên là nhờ những yếu tố thuận lợi sau

Tài chính công ty vững mạnh đảm bảo dự trữ nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Ổn định được nguồn lao động không xảy ra gián đoạn sản xuất mặc dù kinh tế trong nước và thế giới còn gặp nhiều khó khăn
- Thương hiệu của công ty trên thị trường quốc tế lớn mạnh nên khách hàng của công ty ổn định.
- Hội đồng quản trị và Ban điều hành, đặc biệt là ban điều hành đã hoạt động hết sức nỗ lực để cơ cấu hoạt động của công ty ngày càng hiệu quả hơn.

Tuy nhiên Công ty cũng còn gặp những khó khăn:

- Nền kinh tế nước nhà gặp quá nhiều khó khăn: lạm phát cao gần 19%, thắt chặt tín dụng và chủ trương tái cơ cấu nền kinh tế đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty.
- Dự án Thạnh Mỹ gặp khó khăn về mặt pháp lý và trong công tác tuyển dụng khi từ tháng 8.2008 đến nay chỉ tuyển gần 500 công nhân, trong khi kế hoạch là 1000 công nhân nên chưa khai thác hết hiệu quả của dự án này
- Nhân sự công ty còn thiếu đặc biệt là cấp quản lý trung gian nên dẫn tới chưa khai thác được hết hiệu quả các dự án mà công ty đã đầu tư.

II. Kết quả hoạt động của Ban Kiểm Soát

- Khảo sát tình hình: Thường xuyên theo dõi tình hình của công ty qua các mail, các Nghị quyết, Công văn, chỉ thị và các quyết định công ty.

- Quan hệ với các Ban để thực hiện kiểm soát:

- Làm việc với các Ban để kiểm soát công tác đầu tư qua việc nghiên cứu các bộ hồ sơ đầu tư của Công ty.
- Xem xét các hợp đồng tín dụng ngắn hạn và dài hạn của công ty.
- Theo dõi công tác xây dựng các quy trình, quy chế của các ban trong công ty.
- Xem xét các báo cáo tài chính quý và năm của công ty.

- Tham gia các cuộc họp giao ban của công ty.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị.

- Thực hiện báo cáo kiểm soát hàng quý, năm cho công ty.

- Đối với dự án Thạnh Mỹ: Ban kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã tiến hành các thủ tục pháp lý và đang khởi kiện các bên liên quan để đảm bảo quyền lợi của Công ty và của cổ đông.

III. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

Đến hết năm 2011, BKS không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Công ty, Ban Tài chính Kế toán chấp hành các quy định của Nhà nước và có kết quả như sau:

- Thực hiện mua cổ phiếu quỹ theo đúng quy định của pháp luật

- Các quy trình, thủ tục đầu tư đã được phê duyệt bởi Hội đồng quản trị và được ban kiểm soát giám sát một cách chặt chẽ dưới sự tư vấn của Văn Phòng Luật sư.
- Đảm bảo tuân thủ chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành. Về nhân sự, được bổ sung thêm nhiều cán bộ có năng lực đáp ứng được cấu công việc hiện nay.
- Công tác lập báo cáo tài chính đã dần được cải thiện, đáp ứng theo quy định công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

IV. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Bộ máy quản lý:

- Trong năm qua, hoạt động lãnh đạo và giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc là tuân thủ theo Điều lệ công ty và pháp luật của Nhà nước trong quá trình thực thi chương trình của Nghị quyết ĐHCĐ và kế hoạch năm 2011.
- Tổng giám đốc chủ động sáng tạo thực hiện tốt nhiệm vụ kinh doanh trong năm, tuân thủ Điều lệ công ty cũng như pháp luật nhà nước.
- Hệ thống kiểm soát của công ty đang dần được củng cố, các quy trình, quy chế của các phòng ban đang được hoàn thiện và áp dụng có hiệu quả.
- Liên tục bổ sung những nhân sự có chất lượng cao vào bộ máy quản lý góp phần gia tăng hiệu quả của Công ty.

V. Báo cáo đánh giá sự phối hợp giữa Ban Kiểm Soát với Hội đồng quản trị và Ban Giám Đốc:

- Trong năm 2011, Ban Kiểm Soát được cung cấp đầy đủ thông tin về các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Giám Đốc.
- Ban Kiểm Soát tham gia các cuộc họp giao ban hàng tuần của Công ty.
- Trong thời gian tới, cần duy trì và phát huy sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban Kiểm Soát với Hội đồng quản trị và Ban Giám Đốc.

VI. Kiến nghị:

- Tiếp tục rà soát và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ công ty.
- Tăng cường quản lý rủi ro trong công ty cụ thể như sau:

Xây dựng mới và hoàn thiện các quy chế, các quy trình, thủ tục hoạt động của Công ty cho phù hợp với quy mô và môi trường kinh doanh hiện nay đơn cử như quy chế đầu thầu, chào giá cạnh tranh trong việc cung ứng vật tư nguyên phụ liệu.

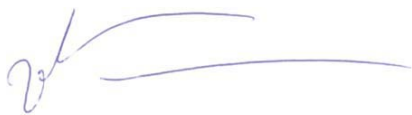
Nâng cao công tác tài chính, phân tích báo cáo tài chính hàng quý và xem xét việc lập báo cáo tài chính hàng tháng để công bố thông tin kịp thời và đưa ra giải pháp phù hợp trong môi trường tài chính có quá nhiều tin đồn.

- Đầu tư và nâng cấp phần mềm kế toán để đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Thực hiện tốt công tác kế toán quản trị để cung cấp nhiều thông tin hữu ích cho Ban lãnh đạo công ty.
- Tiếp tục phát huy công tác tài chính để đáp ứng đủ nguồn vốn cho công tác đầu tư của Công ty trong thời gian tới.

VII. Kết luận:

Trong năm 2011, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã tạo điều kiện tốt để Ban Kiểm Soát thực thi nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao phó theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế quản trị công ty vì mục tiêu chung là phát triển công ty.

Xin chân thành cảm ơn Quý vị cổ đông.



Võ Văn Hào
Trưởng Ban Kiểm soát



Phát Triển Rộng Khắp

Tập trung đầu tư, mở rộng ngành may xuất khẩu, phát triển các sản phẩm mới, tăng doanh thu xuất khẩu trực tiếp vào các thị trường lớn như Mỹ, EU.

Đẩy mạnh giới thiệu sản phẩm ba lô, túi xách của Công ty, tăng doanh thu bán hàng trong nước.

Hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty để nâng cao hiệu quả hoạt động. Đánh giá, sắp xếp lại nhân sự hợp lý để phát huy tiềm lực con người, tạo điều kiện cho những cá nhân có tài năng phát triển sự nghiệp của mình và gắn bó với công ty. Ứng dụng các phương pháp quản trị sản xuất hiện đại để tăng năng suất, tiết kiệm chi phí, tăng tính cạnh tranh cho Công ty.

Doanh thu xuất khẩu
trực tiếp

33,123 triệu USD

Doanh thu

726,235 tỷ VND

Lợi nhuận sau thuế

67,130 tỷ VND

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

5.825 VND

Báo cáo của Ban Giám đốc

Báo cáo của Kiểm toán viên

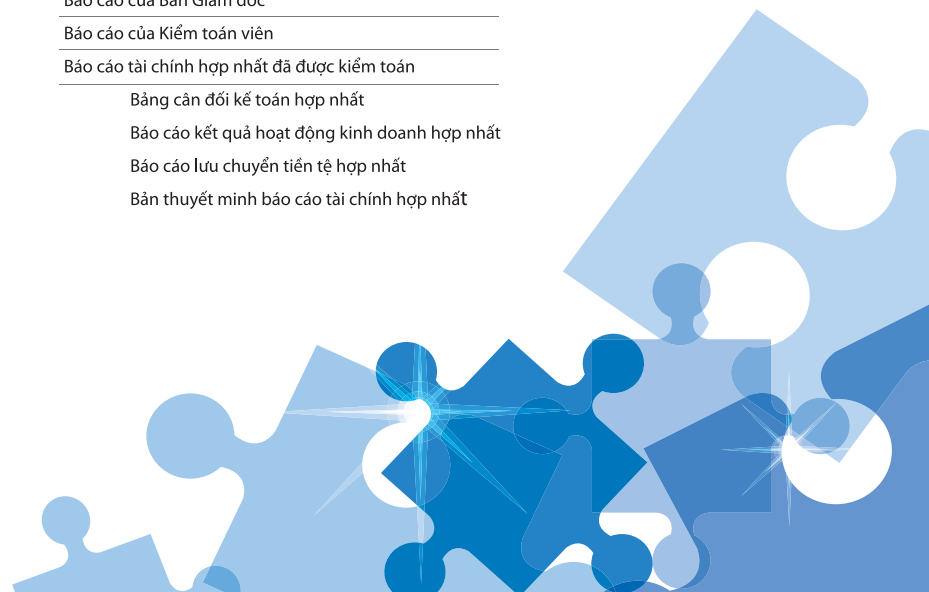
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Sản xuất Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Bình Thạnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Công ty

Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX) tiền thân là doanh nghiệp nhà nước thành lập năm 1982 trực thuộc UBND TP. HCM thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 134/2000/QĐ-TTg của Chính phủ ban hành ngày 24/11/2000 về việc chuyển Công Ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh thành Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000253 cấp ngày 29/12/2000 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 0302181666 ngày 27/10/2011 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 127.745.880.000 VND.

Vốn góp của Công ty đến ngày 31/12/2011 là 127.745.880.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ Tầng 1, Tòa nhà GILIMEX Building, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số các công ty con: 2 công ty.

Tổng số các công ty con được hợp nhất: 2 công ty.

Tổng số các công ty liên kết: 1 công ty.

Tổng số các công ty liên kết được hợp nhất: 1 công ty.

Công ty con được hợp nhất:

- Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ

+ Địa chỉ: Cụm CN, TTCN Hắc Dịch, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định

+ Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà GILIMEX Building, 24C Phan

Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

Công ty liên kết được hợp nhất:

- Công Ty Cổ Phần May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310629775 cấp lần đầu ngày 16/02/2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 cấp ngày 13/10/2011 bởi Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh - GILIMEX có tỷ lệ góp vốn là 53%. Theo Nghị quyết số 33/NĐ-ĐHĐCĐ ngày 25/11/2011 của Công Ty CP May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 30.000.000.000 đồng lên 130.000.000.000 đồng thì Công Ty CP Gilimex còn phải nộp thêm 53.000.000.000 đồng để duy trì tỷ lệ sở hữu vốn trên. Tuy nhiên, đến ngày 31/12/2011, Công Ty CP Gilimex mới góp vốn vào Công Ty CP May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ là 12.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 23,53%, số tiền còn lại Công Ty CP Gilimex sẽ thực hiện nộp trong năm 2012.

+ Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà GILIMEX Building, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty GILIMEX: 23,53%

+ Quyền biểu quyết của Công ty GILIMEX: 23,53%

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 67.130.130.796 VND (Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 36.754.451.056 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 là 56.932.794.018 VND (Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 là 48.942.645.852 VND).

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông :	Lê Hùng	Chủ tịch
Ông :	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông :	Nguyễn Văn Luân	Thành viên
Ông :	Nguyễn Hồ Trung	Thành viên
Ông :	Nguyễn Hoài Nam	Thành viên
Ông :	Đặng Vũ Hùng	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông :	Lê Hùng	Tổng Giám đốc
-------	---------	---------------

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông :	Võ Văn Hào	Trưởng BKS
Ông :	Đào Sỹ Trung	Thành viên BKS
Ông :	Nguyễn Đình Quang Minh	Thành viên BKS

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu

TP. HCM, ngày 01 tháng 03 năm 2012

TM. Hội đồng Quản trị



Lê Hùng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính.

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh - GILIMEX phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính, kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty.

TP. HCM, ngày 01 tháng 03 năm 2012

TM. Ban Giám đốc



Lê Hùng
Tổng giám đốc

Số: 94/2012/BCKT/TC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2011
của Công ty CP Sản Xuất Kinh Doanh XNK Bình Thạnh - GILIMEX

Kính gửi:

- Các Cổ đông Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh XNK Bình Thạnh – GILIMEX
- HĐQT Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh XNK Bình Thạnh – GILIMEX
- Ban Giám đốc Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh XNK Bình Thạnh – GILIMEX

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh được lập ngày 09/02/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 62 đến trang 76 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo rằng, trong năm 2011, Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định (là công ty con) và Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ (là công ty con) có thực hiện giao dịch mua 1.233.050 cổ phiếu của Công ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (là công ty mẹ) (xem thuyết minh tại Mục 2 - "Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn").

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề trên và các ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

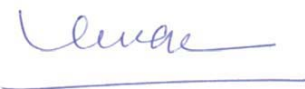
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Lê Văn Tuấn
Chứng chỉ KTV số: 0479/KTV



Dương Nguyễn Thủy Mai
Chứng chỉ KTV số: 0848/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
TÀI SẢN				
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		598,694,155,945	411,133,683,775
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	266,592,259,482	32,883,826,582
1. Tiền	111		20,554,844,123	32,883,826,582
2. Các khoản tương đương tiền	112		246,037,415,359	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2	42,693,506,341	221,038,880,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		42,693,506,341	221,038,880,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		134,557,142,272	76,586,599,971
1. Phải thu khách hàng	131		89,800,446,221	44,656,618,292
2. Trả trước cho người bán	132		26,491,957,163	30,524,331,579
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	3	20,639,840,388	3,780,751,600
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(2,375,101,500)	(2,375,101,500)
IV. Hàng tồn kho	140	4	137,646,905,048	63,686,340,770
1. Hàng tồn kho	141		137,646,905,048	63,686,340,770
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17,204,342,802	16,938,036,452
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6,232,453	26,245,455
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12,673,373,465	13,101,998,706
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5	4,524,736,884	3,809,792,291
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 +240 +250 +260)	200		163,363,126,201	137,794,161,426
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
TÀI SẢN				
II. Tài sản cố định	220		127,861,221,789	126,989,120,978
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	94,268,322,969	83,351,742,020
- Nguyên giá	222		125,443,173,590	106,960,077,593
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(31,174,850,621)	(23,608,335,573)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	7	4,072,913,445	14,170,203,528
- Nguyên giá	228		4,072,913,445	14,767,369,632
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	(597,166,104)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	29,519,985,375	29,467,175,430
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9	13,917,139,595	4,741,578,152
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	9.1	9,195,561,443	20,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	9.2	4,721,578,152	4,721,578,152
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		21,584,764,817	6,063,462,296
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	21,093,988,070	6,063,462,296
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	490,776,747	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		762,057,282,146	548,927,845,201
NGUỒN VỐN				
A . NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		431,891,701,699	183,725,892,516
I. Nợ ngắn hạn	310		420,896,978,270	182,416,511,102
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	314,960,070,407	121,581,614,674
2. Phải trả người bán	312		61,092,754,425	25,022,470,022
3. Người mua trả tiền trước	313		1,332,444,395	7,145,212,787
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	9,000,965,634	7,497,738,223
5. Phải trả công nhân viên	315		29,338,307,770	13,031,243,276
6. Chi phí phải trả	316		664,945,539	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	4,461,643,287	2,384,682,607
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành	323	15.5	45,846,813	5,753,549,513

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
NGUỒN VỐN (tiếp)				
II. Nợ dài hạn	330		10,994,723,429	1,309,381,414
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		8,129,355,164	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1,228,881,414	1,309,381,414
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		1,636,486,851	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	15	330,165,580,448	365,201,952,685
I. Vốn chủ sở hữu	410		330,165,580,448	365,201,952,685
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		127,745,880,000	127,745,880,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		158,751,430,047	158,751,430,047
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(30,120,215,254)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(10,737,816,963)	2,168,488,186
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		22,483,599,600	22,483,599,600
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5,109,909,000	5,109,909,000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		56,932,794,018	48,942,645,852
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		762,057,282,146	548,927,845,201

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		942,875.00	280,606.56
- EUR		4.97	2.58
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập, ngày 09 tháng 02 năm 2012



Nguyễn Thị Phong Lan
Người lập biểu



Nguyễn Thị Minh Hiếu
Kế toán trưởng



Lê Hùng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND			
Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	726,235,622,771	416,011,752,891
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		726,235,622,771	416,011,752,891
4. Giá vốn hàng bán	17	592,536,317,129	342,657,733,670
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		133,699,305,642	73,354,019,221
6. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	48,086,617,509	24,449,411,452
7. Chi phí tài chính	18	20,397,765,093	5,319,949,022
+ Trong đó: chi phí lãi vay		12,210,385,457	2,764,075,503
8. Chi phí bán hàng		12,503,301,361	10,706,238,638
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		60,088,536,895	32,481,065,697
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		88,796,319,802	49,296,177,316
11. Thu nhập khác	16.3	1,896,862,005	3,820,135,974
12. Chi phí khác	19	816,186,997	2,854,796,084
13. Lợi nhuận khác		1,080,675,008	965,339,890
14. Phần lỗ trong công ty liên kết		(2,804,438,557)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		87,072,556,253	50,261,517,206
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20	20,433,202,204	13,507,066,150
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	21	(490,776,747)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		67,130,130,796	36,754,451,056
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		5,825	3,039

Lập, ngày 09 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Thị Phong Lan
Người lập biểu

Nguyễn Thị Minh Hiếu
Kế toán trưởng



Lê Hùng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND			
Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế		87,072,556,253	50,261,517,206
2. Điều chỉnh cho các khoản		(7,923,519,435)	(12,939,633,464)
- Khấu hao tài sản cố định		7,566,515,048	6,558,572,062
- Các khoản dự phòng		-	(541,052,300)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	(6,089,707,309)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(27,688,852,416)	(15,631,521,420)
- Chi phí lãi vay		12,198,817,933	2,764,075,503
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		79,149,036,818	37,321,883,742
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		(69,097,233,473)	(5,452,046,206)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho		(73,960,564,278)	(11,353,807,835)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		245,166,935,487	15,250,461,698
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước		3,086,071,868	(2,102,339,900)
- Tiền lãi vay đã trả		(12,198,817,933)	(2,764,075,503)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(18,291,051,585)	(17,983,495,730)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		10,026,217,169	15,560,091,504
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(42,966,100,791)	(12,585,038,465)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		120,914,493,282	15,891,633,305
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(21,357,671,351)	(14,268,058,875)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		806,289,909	4,413,521,389
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1,811,509,398,622)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1,810,936,278,952	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(12,000,000,000)	(507,525,280,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	418,808,501,983
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		55,285,027,617	15,725,962,624
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		22,160,526,505	(82,845,352,879)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	12,712,520,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	(30,120,215,254)	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	670,230,073,269	186,522,728,090	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(476,851,617,536)	(114,270,893,322)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(61,887,010,403)	(19,161,616,500)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		101,371,230,076	65,802,738,268
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		244,446,249,863	(1,150,981,306)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		32,883,826,582	33,701,291,267
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(10,737,816,963)	333,516,621	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		266,592,259,482	32,883,826,582

Lập, ngày 09 tháng 02 năm 2012



Nguyễn Thị Phong Lan
Người lập biểu



Nguyễn Thị Minh Hiếu
Kế toán trưởng



Lê Hùng
Tổng Giám đốc



Ổn Định & Bền Vững

Mục tiêu của GILIMEX đến 2015 là trở thành một tập đoàn kinh tế mạnh của Việt Nam, hoạt động trong 5 nhóm ngành nghề chính:

- Hàng Gia dụng xuất khẩu
- Hàng may mặc thời trang
- Lương thực và thực phẩm
- Bóng đèn và phích nước
- Dược phẩm và bệnh viện

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Hình thức sở hữu vốn

Lĩnh vực kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong

Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX) tiền thân là doanh nghiệp nhà nước thành lập năm 1982 trực thuộc UBND TP. HCM thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 134/2000/QĐ-TTg của Chính phủ ban hành ngày 24/11/2000 về việc chuyển Công Ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh thành Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000253 cấp ngày 29/12/2000 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 0302181666 ngày 27/10/2011 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 127.745.880.000 VND.

Vốn góp của Công ty đến ngày 31/12/2011 là 127.745.880.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ Tầng 1, Tòa nhà GILIMEX Building, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số các công ty con: 2 công ty con.

Tổng số các công ty con được hợp nhất: 2 công ty.

Tổng số các công ty liên kết: 1 công ty.

Tổng số các công ty liên kết được hợp nhất: 1 công ty.

Công ty con được hợp nhất:

- Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ
+ Địa chỉ: Cụm CN, TTCN Hắc Dịch, Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu.
+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

- Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định
+ Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà GILIMEX Building, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
+ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

Công ty liên kết được hợp nhất:

- Công Ty Cổ Phần May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310629775 cấp lần đầu ngày 16/02/2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 cấp ngày 13/10/2011 bởi Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh - GILIMEX có tỷ lệ góp vốn là 53%. Theo Nghị quyết số 33/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/11/2011 của Công Ty CP May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 30.000.000.000 đồng lên 130.000.000.000 đồng thì Công Ty CP Gilimex còn phải nộp thêm 53.000.000.000 đồng để duy trì tỷ lệ sở hữu vốn trên. Tuy nhiên, đến ngày 31/12/2011, Công Ty CP Gilimex mới góp vốn vào Công Ty CP May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ là 12.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 23,53%, số tiền còn lại Công Ty CP Gilimex sẽ thực hiện nộp trong năm 2012.

+ Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà GILIMEX Building, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty GILIMEX: 23,53%

+ Quyền biểu quyết của Công ty GILIMEX: 23,53%

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Thương mại; dịch vụ; sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến và xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy hải sản, thủ công mỹ nghệ, may mặc, hàng da, cao su, lương thực, thực phẩm, thiết bị, máy móc, vật liệu xây dựng, các loại nguyên liệu và các sản phẩm khác (không chế biến thực phẩm tươi sống, gia công cơ khí, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất gốm sứ thủy tinh, thuộc da, chế biến cao su tại trụ sở). Nhập khẩu thiết bị máy móc, nguyên liệu, vật tư, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, kim khí điện máy, điện tử. Dịch vụ thương mại và dịch vụ, cầm đồ. Xây dựng trang trí nội thất, san lấp mặt bằng kinh doanh địa ốc. Hợp tác đầu tư trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn.

II. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

2.1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

3. Các chính sách kế toán áp dụng

3.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nghịệp vụ	Theo VAS 10	Theo Thông tư 201
Đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phân ảnh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục vốn trên Bảng cân đối kế toán và vào kỳ sau ghi bút toán ngược lại để xóa sổ dư.
Đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.	Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ. Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả kinh doanh. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ cho các năm sau để kết quả kinh doanh của công ty không bị lỗ (nhưng không được để lãi). Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong kỳ ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phân ảnh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ vào kết quả kinh doanh trong 5 năm tiếp theo.
Việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC, lợi nhuận trước thuế năm 2011 của Công ty tăng 10.737.816.963 đồng và khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trên vốn chủ sở hữu tại Bảng cân đối kế toán giảm tương ứng so với việc áp dụng theo VAS 10.		

3.2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Công ty thực hiện xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính 2011 theo hướng dẫn tại Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 15/10/2009.

Hướng dẫn về xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ theo Thông tư 201/2009/TT-BTC khác biệt so với quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) được trình bày như sau:

3.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.3.1. Nguyên tắc ghi nhận:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

3.3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập BCTC.

3.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 08 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị 07 - 10 năm
- Phương tiện vận tải 04 - 07 năm
- Thiết bị văn phòng 03 - 06 năm

3.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 07 "Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết" và chuẩn mực số 08 "Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh".

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

3.6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

3.7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất

kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

3.8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

3.9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

3.10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các

tổ chức, cá nhân khác tặng, biểu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biểu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục có gốc ngoại tệ sau: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

3.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt	132,903,851	3,153,605,230
Tiền gửi ngân hàng	22,959,355,631	29,730,221,352
Tiền gửi VND	3,321,028,014	24,414,840,778
Tiền gửi ngoại tệ	19,638,327,617	5,315,380,574
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi tiết kiệm dưới 3 tháng)	243,500,000,000	-
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Gia Định	35,500,000,000	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	187,000,000,000	-
Ngân hàng TMCP Gia Định	21,000,000,000	-
Tổng cộng	266,592,259,482	32,883,826,582

Ghi chú:

- Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2011 khớp với biên bản kiểm kê thực tế.
- Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 31/12/2011 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng.

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng	31/12/2011 VND Giá trị	Số lượng	01/01/2011 VND Giá trị
2.1 Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		42,693,506,341		2,250,000,000
+ CK đầu tư ngắn hạn (Trái phiếu)		-		-
+ CK đầu tư ngắn hạn (Cổ phiếu)		42,693,506,341		2,250,000,000
Trong đó:				
Công ty CP Bệnh viện đa khoa tư nhân Triều An	50,000	2,250,000,000	50,000	2,250,000,000
Công Ty CP Chế Biến Hàng Xuất Khẩu Long An	61,020	865,469,826	-	-
Công Ty CP KVG N Ngoại Thương TP.HCM	10,000	206,309,000	-	-
Công ty CP CB Hàng Xuất Khẩu Long An	611,890	9,077,416,074	-	-
Công Ty CP SXKD XNK Bình Thạnh – GILIMEX	1,233,050	30,294,311,441	-	-
+ Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn(*)		-		-
2.2 Đầu tư ngắn hạn khác (Tiền gửi có kỳ hạn)		-		218,788,880,000
Trong đó:				
Ngân hàng Công Thương Việt Nam		-		50,000,000,000
Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Gia Định		-		34,000,000,000
Ngân hàng Ocean bank		-		12,000,000,000
Ngân hàng TM CP Techcombank		-		11,488,880,000
Ngân hàng TMCP Quân Đội		-		35,000,000,000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế - CN Phú Nhuận		-		21,000,000,000
Ngân Hàng Habubank		-		55,300,000,000
2.3 Đầu tư ngắn hạn khác (Cho vay)		-		-
2.4 Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn (*)		-		-
Tổng cộng		42,693,506,341		221,038,880,000

Ghi chú:

- Trong năm 2011, Công ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh - Gilimex có thực hiện đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cp Chế Biến Hàng Xuất Khẩu Long An, Công Ty CP KVG N Ngoại Thương TP. HCM, Công ty CP Chế Biến Hàng Xuất Khẩu Long An với nhiều lần mua, mức giá khác nhau.
- Năm 2011, Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định (là công ty con) và Công ty TNHH May Thạnh Mỹ (là công ty con) có thực hiện giao dịch mua 1.233.050 cổ phiếu của Công ty Cp Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh - GILIMEX (là công ty mẹ) với nhiều lần mua và các mức giá khác nhau. Tuy nhiên, khi lập Báo cáo hợp nhất cho năm 2011, các bút toán điều chỉnh lại cho giao dịch này chưa được Công ty thực hiện điều chỉnh theo quy định về hợp nhất BCTC.

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
1. Phải thu về cổ phần hóa	20,639,840,388	3,780,751,600
2. Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
3. Phải thu về lao động	-	-
4. Phải thu khác	20,639,840,388	3,780,751,600
Chi tiết số dư khoản mục phải thu khác tại ngày 31/12/2011 là:		
+ Công Ty CP May Hàng Gia Dụng Gilimex PPJ	16,267,623,339	
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1,573,922,439	
+ Chi Cục Hải Quan Quản Lý Hàng Gia Công	313,787,651	
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Định	338,822,581	
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Bắc Sài Gòn	809,252,688	
+ Ngân hàng TMCP Gia Định	363,548,387	
+ Phải thu khác	972,883,303	
Tổng cộng	20,639,840,388	

4. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Giá gốc của hàng tồn kho		
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	78,823,324,630	40,171,114,940
- Công cụ, dụng cụ	1,472,696,168	823,738,598
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	28,879,389,507	8,351,725,216
- Thành phẩm	26,191,584,244	14,280,722,653
- Hàng hoá	2,221,443,994	-
- Hàng gửi đi bán	58,466,505	59,039,363
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
- Hàng hóa bất động sản	-	-
Tổng cộng	137,646,905,048	63,686,340,770

5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011 VND	01/01/2010 VND
- Tài sản thiếu chờ xử lý	3,143,835,879	3,143,835,879
- Tạm ứng	1,293,474,234	665,956,412
- Ký quỹ, ký cược	87,426,771	-
Tổng cộng	4,524,736,884	3,809,792,291

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND	Chi tiêu	Nhà của vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình	1. Nguyên giá TSCĐ đầu năm	82,866,600,927	17,436,812,221	4,310,005,610	2,346,658,835	106,960,077,593
	2. Số tăng trong năm	1,792,663,222	10,883,394,492	6,277,027,607	176,859,090	19,129,944,411
	Bao gồm:					
	- Mua trong năm	-	10,883,394,492	6,277,027,607	176,859,090	17,337,281,189
II. Giá trị hao mòn lũy kế	1. Giá trị hao mòn đầu năm	13,091,938,284	6,636,811,567	2,491,518,885	1,388,066,837	23,608,335,573
	2. Khấu hao trong năm	4,020,945,004	3,374,936,128	796,637,097	20,845,233	8,213,363,462
	Bao gồm:					
	- Khấu hao tăng trong năm	4,020,945,004	3,374,936,128	796,637,097	20,845,233	8,213,363,462
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình	1. Giá trị còn lại đầu năm	69,774,662,643	10,800,000,654	1,818,486,725	958,591,998	83,351,742,020
	2. Tại ngày đầu năm	67,546,380,861	18,308,459,018	7,298,877,235	1,114,605,855	94,268,322,969
	Bao gồm:					
	- Thanh lý, nhượng bán	-	260,408,440	386,439,974	-	646,848,414
IV. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình	1. Giá trị còn lại cuối năm	17,112,883,288	9,751,339,255	2,901,716,008	1,408,912,070	31,174,850,621
	2. Tại ngày cuối năm	17,112,883,288	9,751,339,255	2,901,716,008	1,408,912,070	31,174,850,621
	Bao gồm:					
	- Thanh lý, nhượng bán	-	260,408,440	386,439,974	-	646,848,414
V. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình	1. Giá trị còn lại đầu năm	69,774,662,643	10,800,000,654	1,818,486,725	958,591,998	83,351,742,020
	2. Tại ngày cuối năm	67,546,380,861	18,308,459,018	7,298,877,235	1,114,605,855	94,268,322,969
	Bao gồm:					
	- Thanh lý, nhượng bán	-	260,408,440	386,439,974	-	646,848,414

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VỐ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhân hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình					
1. Số dư đầu năm	14,767,369,632				14,767,369,632
2. Số tăng trong năm	3,936,113,445	-			3,936,113,445
Bao gồm:					
- Mua trong năm	3,936,113,445				3,936,113,445
- Tăng khác					
3. Số giảm trong năm	14,630,569,632	-			14,630,569,632
Bao gồm:					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác (điều chỉnh lại)	14,630,569,632				14,630,569,632
4. Số dư cuối năm	4,072,913,445	-			4,072,913,445
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	597,166,104				597,166,104
2. Khấu hao trong năm					
Bao gồm:					
- Khấu hao tăng trong năm					
- Tăng khác					
3. Giảm trong năm	597,166,104	-			597,166,104
Bao gồm:					
- Thanh lý nhượng bán					
- Giảm khác (điều chỉnh lại)	597,166,104				597,166,104
4. Số dư cuối năm					
III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH					
1. Tại ngày đầu năm	14,170,203,528				14,170,203,528
2. Tại ngày cuối năm	4,072,913,445				4,072,913,445

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
- Chi phí XDCB dở dang	29,519,985,375	29,467,175,430
Trong đó: <i>những công trình, hạng mục lớn</i>		
+ Công trình cao ốc văn phòng công ty	225,886,436	173,076,491
+ Công trình phường 28, quận Bình Thạnh	950,739,000	950,739,000
+ Công trình Phú Mỹ	28,343,359,939	28,343,359,939
- Mua sắm tài sản cố định	-	-
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-
Tổng cộng	29,519,985,375	29,467,175,430

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

9.1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công Ty CP May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ (tỷ lệ góp vốn 23,53%)	9,195,561,443	-
Công Ty Chứng Khoán	-	20,000,000
Tổng cộng	9,195,561,443	20,000,000

Ghi chú:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310629775 ngày 13/10/2011 của Công Ty CP May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ thì Công Ty CP Gilimex góp vốn chiếm tỷ lệ 53% trên vốn điều lệ là 30.000.000.000 đồng và Theo Nghị quyết số 33/NĐ-ĐHĐCĐ ngày 25/11/2011 của Công Ty CP May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 30.000.000.000 đồng lên 130.000.000.000 đồng thì Công Ty CP Gilimex còn phải nộp thêm 53.000.000.000 đồng để duy trì tỷ lệ sở hữu vốn trên. Tuy nhiên, đến ngày 31/12/2011, Công Ty CP Gilimex mới góp vốn vào Công Ty CP May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ là 12.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 23,53%, số tiền còn lại Công Ty CP Gilimex sẽ thực hiện nộp trong năm 2012. Năm 2011, phần lỗ trong công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn thực góp 23,53% làm giảm giá trị đầu tư trong sổ sách của Công Ty CP Gilimex vào Công Ty CP May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ xuống còn 9.195.561.443 đồng.

9.2. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
1. Đầu tư cổ phiếu	-	-
2. Đầu tư trái phiếu	-	-
3. Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
4. Cho vay dài hạn	-	-
5. Đầu tư dài hạn khác (ĐA Phường 28, quận B.Thành, Tp.HCM)	4,721,578,152	4,721,578,152
Tổng cộng	4,721,578,152	4,721,578,152

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
- Chi phí cho giai đoạn triển khai	15,511,399,723	-
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	3,849,693,813	5,219,118,097
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh một lần quá lớn	1,732,894,534	844,344,199
Tổng cộng	21,093,988,070	6,063,462,296

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
11.1. Vay ngắn hạn	314,960,070,407	121,581,614,674
- Vay ngân hàng	314,960,070,407	121,581,614,674
Ngân Hàng Đầu Tư & Phát Triển - CN Gia Định	66,046,134,943	80,000,560,318
Ngân hàng HSBC	66,465,952,859	41,581,054,356
Ngân hàng TMCP Quân Đội CN Bắc Sài Gòn	150,795,773,271	-
Ngân hàng ANZ	31,652,209,334	-
- Vay đối tượng khác	-	-
11.2. Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Tổng cộng	314,960,070,407	121,581,614,674

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
12.1. Thuế phải nộp nhà nước	9,000,965,634	7,497,738,223
- Thuế GTGT	-	525,968,368
- Thuế TTĐB	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế TNDN	8,820,986,732	6,780,508,552
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất	-	-
- Tiền thuế đất	-	-
- Các loại thuế khác	179,978,902	191,261,303
+ Thuế thu nhập cá nhân	175,791,617	187,074,018
+ Các loại thuế khác	4,187,285	4,187,285
12.2. Các khoản phải nộp khác	-	-
- Các khoản phí, lệ phí	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-
Tổng cộng	9,000,965,634	7,497,738,223

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
- Tài sản thừa chờ xử lý	899,613,523	899,613,523
- BHXH, BHYT, BHTN	622,040,945	267,008,582
- KPCĐ	867,561,847	133,802,502
- Doanh thu chưa thực hiện	-	-
- Phải trả về cổ phần hoá	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Cổ tức phải trả	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2,072,426,972	1,084,258,000
Tổng cộng	4,461,643,287	2,384,682,607

Chi tiết số dư khoản mục phải trả, phải nộp khác tại ngày 31/12/2011 là:

+ Đồng phục CBCNV	1,500,000,000
+ Phải trả khác	572,426,972
Tổng cộng	2,072,426,972

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	490,776,747	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng	-	-
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	490,776,747	
b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	-
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Số dư đầu năm nay	127,745,880,000	158,751,430,047	-	22,483,599,600	5,109,909,000	48,942,645,852
- Tăng trong năm	-	-	(30,120,215,254)	-	-	67,142,866,796
Trong đó:						
- Tăng do phát hành thêm cổ phiếu	-	-	-	-	-	67,130,130,796
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tăng do phát hành CP từ lợi nhuận năm trước	-	-	(30,120,215,254)	-	-	12,736,000
- Tăng khác	-	-	-	-	-	59,152,718,630
- Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Trong đó:						
- Trích lập các quỹ theo biên bản họp đại hội HĐQT	-	-	-	-	-	-
. Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-
. Quỹ Dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-
. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-
. Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-	-	-	-	-
- Phụ cấp HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	239,300,000
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	56,964,370,404
- Trả lại thuế	-	-	-	-	-	403,705,879
- Giảm khác	-	-	-	-	-	1,545,342,347
- Số dư cuối năm	127,745,880,000	158,751,430,047	(30,120,215,254)	22,483,599,600	5,109,909,000	56,932,794,018

15.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	127,745,880,000	127,745,880,000
+ Vốn góp đầu năm	127,745,880,000	102,198,180,000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	25,547,700,000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	127,745,880,000	127,745,880,000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	56,964,370,404	19,161,616,500

15.4. Cổ phiếu

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12,774,588	10,219,818
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12,774,588	12,774,588
+ Cổ phiếu thường	12,774,588	12,774,588
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng Cổ phiếu được mua lại	1,250,000	-
+ Cổ phiếu thường	1,250,000	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11,524,588	12,774,588
+ Cổ phiếu thường	11,524,588	12,774,588
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

15.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	22,483,599,600	22,483,599,600
- Quỹ dự phòng tài chính	5,109,909,000	5,109,909,000
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	45,846,813	5,753,549,513

Mục đích của trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

15.5.1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu.

15.5.2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để:

- Bổ sung vốn điều lệ cho công ty.
- Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.

15.5.3. Quỹ khen thưởng được dùng để:

- Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty.
- Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty.
- Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của công ty.

15.5.4. Quỹ phúc lợi được dùng để:

- Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.
- Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội.
- Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
- Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

16. DOANH THU

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
16.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Tổng doanh thu	726,235,622,771	416,011,752,891
+ Doanh thu bán hàng	697,252,863,323	401,357,187,992
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	28,982,759,448	14,654,564,899
- Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
+ Chiết khấu thương mại	-	-
+ Giảm giá hàng bán	-	-
+ Hàng bán bị trả lại	-	-
+ Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	-	-
+ Thuế TTĐB	-	-
+ Thuế xuất khẩu	-	-
- Doanh thu thuần	726,235,622,771	416,011,752,891
Trong đó:		
+ Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá	697,252,863,323	401,357,187,992
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	28,982,759,448	14,654,564,899

16.2. Doanh thu hoạt động tài chính	48,086,617,509	24,449,411,452
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	35,033,642,169	15,631,521,420
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	76,501,600	94,441,204
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12,976,473,740	8,723,448,828
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
16.3. Thu nhập khác	1,896,862,005	3,820,135,974
- Thu nhập từ khách hàng vi phạm hợp đồng	-	2,010,485,863
- Thu nhập từ vận chuyển	439,400,000	-
- Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	728,509,091	820,979,401
- Thu từ bán phế liệu và thu nhập khác	728,952,914	988,670,710

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
- Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã cung cấp	592,536,317,129	342,657,733,670
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	-
Tổng cộng	592,536,317,129	342,657,733,670

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
- Chi phí lãi vay	12,210,385,457	2,764,075,503
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	-	463,184,300
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8,020,611,187	2,633,741,519
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	(541,052,300)
- Chi phí tài chính khác	166,768,449	-
Tổng cộng	20,397,765,093	5,319,949,022

19. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
- Chi phí mua xe	186,782,800	-
- Chi phí bồi thường	-	560,330,033
- Thanh lý hàng tồn lâu ngày	-	1,550,418,711
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	63,599,568	142,138,083
- Chi phí phân bổ	394,302,593	-
- Chi phí khác	171,502,036	601,909,257
Tổng cộng	816,186,997	2,854,796,084

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay

Tổng cộng

Đơn vị tính: VND

Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
20,433,202,204	13,507,066,150
-	-
20,433,202,204	13,507,066,150

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

- Chi phí thuế TNDN hoàn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế
- Chi phí thuế TNDN hoàn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoàn lại
- Thu nhập thuế TNDN hoàn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ
- Thu nhập thuế TNDN hoàn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng
- Thu nhập thuế TNDN hoàn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoàn lại phải trả

Tổng cộng

Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
(490,776,747)	-
(490,776,747)	-

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chỉ tiêu	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
1. Chi phí nguyên liệu, vật liệu	491,969,389,145	236,920,909,342
2. Chi phí nhân công	120,843,294,903	72,608,534,478
3. Chi phí khấu hao TSCĐ	8,213,363,462	6,299,083,561
4. Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,878,152,702	2,134,694,982
5. Chi phí khác bằng tiền	50,400,599,270	22,260,283,595
Tổng cộng	676,304,799,482	340,223,505,958

IV. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Lập, ngày 09 tháng 02 năm 2012



Nguyễn Thị Phong Lan
Người lập biểu



Nguyễn Thị Minh Hiếu
Kế toán trưởng



Lê Hùng
Tổng Giám đốc



